

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 05/2019/HĐ - ST
Ngày: 20/3/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Văn Liêm** và Ông **Hà Văn Tiến**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Kim Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Thuật** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST - HS, ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST – HS, ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo: **ĐẶNG HỮU T** - sinh ngày 28/3/1986 tại Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: tổ 7, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Minh T (đã chết) và bà Trần Thị V; vợ, con: không có; tiền án: 01 (một): ngày 18/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (bản án số 31/2014/HSST); tiền sự: không; nhân thân: Đặng Hữu T sinh ra và lớn lên tại Bắc Kạn, học hết lớp 12/12 sau đó bỏ học ở nhà lao động tự do. Ngày 25/5/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 14/6/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo kháng cáo – ngày 30/7/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm; ngày 18/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 11/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án:**

1. Bà **Trần Thị V** - sinh năm 1962. Trú tại: tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

2. Anh **Tuân Nguyễn S** - sinh năm 1983. Trú tại: tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Những người làm chứng:

1. Anh **Phạm Thế L** – Sinh năm 1990. Trú tại: thôn C, xã B, huyện D, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt không có lý do).

2. Anh **Nông Văn Cường** – Sinh năm 1994. Trú tại: thôn Q, xã D, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10^h40' ngày 28/8/2018, tổ công tác đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy công an thành phố Bắc Kạn đang làm nhiệm vụ tại khu vực bờ đê thuộc tổ 17, phường N, thành phố BK thì phát hiện Phạm Thế L - trú tại: thôn C, xã B, huyện D, tỉnh Bắc Kạn có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiến hành kiểm tra, L đã tự nguyện giao nộp 01 gói nhỏ ma túy có khối lượng 0,03 gam, 01 xi lanh nhựa, 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng. Qua đấu tranh khai thác, Phạm Thế L khai nhận: khoảng 09^h ngày 28/8/2018 L đi đến khu vực Quảng trường thuộc tổ 7, phường S, thành phố BK thì gặp Nông Văn C - trú tại: thôn Q, xã D, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, qua nói chuyện thì được biết C cũng đang đi tìm mua ma túy để sử dụng. C nói biết T (còn gọi là TV) nhà ở tổ 7, phường S, thành phố BK có ma túy bán, L và C đi đến nhà Đặng Hữu T để mua ma túy tại sân trước cửa nhà Đặng Hữu T, L đưa cho T 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), C đưa cho T 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng). T cầm tiền rồi sử dụng xe mô tô BKS 84FB – 2490 đi ra ngoài một lúc sau quay lại và đưa cho C 01 gói và bảo bên trong có 02 gói ma túy tự chia nhau, sau đó C đi đâu thì L không biết, còn L đem ma túy đi sử dụng đến địa điểm trên thì bị bắt. Ngoài ra, Phạm Thế L còn khai nhận được mua ma túy với Đặng Hữu T thêm một lần nữa, cụ thể: khoảng 11^h ngày 27/8/2018 L gặp C tại khu vực tổ 7, phường S, thành phố BK, L và C rủ nhau đi mua ma túy về sử dụng, qua nói chuyện L và C biết Đặng Hữu T nhà ở tổ 7, phường S, thành phố BK có ma túy bán, L và C đi đến nhà T để mua ma túy về sử dụng, tại đây L trực tiếp đưa cho T 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), C trực tiếp đưa cho T 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng). T cầm tiền rồi sử dụng xe mô tô BKS 84FB – 2490 đi đâu không rõ, một lúc sau quay lại đưa cho L 01 gói ma túy và đưa cho C 01 gói ma túy, sau đó C đi đâu thì L không biết, còn L đem số ma túy vừa mua được đi sử dụng hết.

Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai của Nông Văn C thì C khai nhận vào các ngày 27 và 28/8/2018 C đã cùng với Phạm Thế L được mua ma túy với Đặng Hữu T 02 lần, phù hợp với lời khai của Phạm Thế L.

Căn cứ lời khai của Phạm Thế L, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bắc Kạn đã tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đặng Hữu T thu được 05 gói nhỏ chất ma túy có trọng lượng 0,17 gam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASTEL Fami 3 vỏ màu đen bạc, điện thoại hồng màn hình, không xác định được số IMEI, bên trong có 01 sim viettel có số thuê bao là 01696674196; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đen trắng BKS 84FB – 2490, xe cũ đã qua sử dụng, đứt giằng côn, gương bên trái bị vỡ và 01 chìa khóa xe mô tô do Đặng Hữu T đang sử dụng. Cùng ngày cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, công trình, phương tiện có liên quan đối với Đặng Hữu T: không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Hữu T thừa nhận: 05 gói ma túy mà cơ quan điều tra đã thu giữ của T ngày 28/8/2018 là chất ma túy (Heroine) và khai nhận nguồn gốc số ma túy đó như sau: khoảng hơn 16^h ngày 28/8/2018 T mua 03 gói ma túy (trong đó 01 gói có 03 gói ở bên trong) với một người đàn ông không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể tại khu vực ngã tư thuộc tổ 1A, phường P, thành phố BK với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) mục đích để sử dụng cho bản thân và bán lại cho người khác để kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị bắt và thu giữ toàn bộ số ma túy nói trên. Ngoài ra, T cũng thừa nhận trước đó T được bán ma túy cho Nông Văn C và Phạm Thế L 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng hơn 11^h ngày 27/8/2018, khi T đang ở nhà tại tổ 7, phường S, thành phố BK thì có C nhà ở xã D, thành phố BK và L nhà ở xã B, huyện D, tỉnh Bắc Kạn đến hỏi mua ma túy với T. T đồng ý, sau đó C và L đưa tiền cho T nhưng T không nhớ được là C đưa bao nhiêu tiền, L đưa bao nhiêu tiền, T chỉ nhớ được nhận tổng cộng 420.000đ, T cầm tiền rồi bảo L và C đợi ở nhà mình, còn T điều khiển xe mô tô BKS 84FB – 2490 đến khu vực ngã tư chợ Bắc Kạn thuộc tổ 1A, phường P, thành phố BK mua với một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ cụ thể 02 gói ma túy với giá 500.000đ (T tự bỏ thêm vào 80.000đ). Sau khi mua được ma túy, trên đường về nhà, T đã trích lại mỗi gói một ít ma túy để bản thân sử dụng, sau đó T mới đem 02 gói ma túy đã mua về trực tiếp đưa cho L và C mỗi người 01 gói, sau đó L và C đi đâu thì T không biết.

Lần thứ hai: khoảng hơn 09^h ngày 28/8/2018, T đang ở nhà tại tổ 7, phường S, thành phố BK, C và L tiếp tục đến nhà T hỏi mua ma túy với T. T đồng ý, sau đó C đưa cho T 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng), L đưa cho T 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô BKS 84FB – 2490 đến khu vực ngã tư chợ Bắc Kạn thuộc tổ 1A, phường P, thành phố BK mua với một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ cụ thể 02 gói ma túy với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, trên đường về nhà, T mở 02 gói ma túy ra thấy bên trong chứa chất bột màu trắng lẫn màu hồng, T trích lại mỗi gói một ít để bản thân sử dụng, sau đó mới gói 02 gói ma túy đã mua lại như cũ, rồi đem về trực tiếp đưa cho C

và bảo C là bên trong bọc giấy có 02 gói ma túy, hai người tự chia nhau, sau đó L và C đi đâu thì T không biết.

Tại kết luận giám định số: 90/PC54 - MT, ngày 06/9/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu M1 gửi đến giám định là ma túy (loại Heroine), có khối lượng là 0,08 gam; Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu M2 gửi đến giám định là ma túy (loại Heroine), có khối lượng là 0,09 gam; Mẫu chất bột màu trắng lẫn màu hồng trong phong bì ký hiệu M4 gửi đến giám định là ma túy (loại Heroine và Methamphetamine), có khối lượng là 0,03 gam.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT - VKSTPBK, ngày 24 tháng 01 năm 2019 viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Đặng Hữu T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c, khoản 2, điều 251/BLHS.

*** Điều luật có nội dung:** “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a).....

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên”.

Tại phiên toà: - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Hữu T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm b, c, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS: xử phạt bị cáo T từ 08 năm đến 09 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo T.

- Bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Do bản thân nghiện chất ma túy, với mục đích kiếm lời, Đặng Hữu T đã mua ma túy về sử dụng và bán trái phép cho những người nghiện, trong tháng 8/2018 tại nơi ở của T thuộc tổ 7, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Đặng Hữu T đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Phạm Thế L và Nông Văn C, cụ thể như sau:

- Khoảng 11^h00' ngày 27/8/2018 bán cho Phạm Thế L 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và bán cho Nông Văn C 01 (một) gói ma túy với giá 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- Khoảng 09^h00' ngày 28/8/2018 bán cho Phạm Thế L 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và bán cho Nông Văn C 01 (một) gói ma túy với giá 220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Số ma túy 0,17 gam cơ quan điều tra đã thu giữ là của T mua về để sử dụng cho bản thân và nhằm bán lại cho người khác để kiếm lời.

Đặng Hữu T đã sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đen trắng BKS 84FB – 2490 xe cũ đã qua sử dụng để làm phương tiện bán trái phép chất ma túy.

Tổng số tiền bị cáo T bán trái phép chất ma túy cho C và L là: 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Đặng Hữu T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c, khoản 2, điều 251/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 25/5/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 37/2006/HSST); ngày 14/6/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) BK xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 28/2007/HSST), bị cáo kháng cáo – ngày 30/7/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số 19/2007/HSPT); Ngày 18/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” – đối với bản án này bị cáo chưa được xóa án tích nên phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm” – đây là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, bị cáo có ông bà nội là ông Đặng Hữu H và bà Phạm Thị D đều được tặng huân chương kháng chiến - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, điều 51/BLHS.

Trong vụ án này có các đối tượng nghiện chất ma túy là Nông Văn C và Phạm Thế L đã mua ma túy với Đặng Hữu T về sử dụng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý đối với các đối tượng này theo quy định của pháp luật.

Vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T90, mặt trước phong bì ghi “Mẫu hoàn trả vụ Đặng Hữu T (1986)”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn, 03 (ba) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M3, mặt trước phong bì ghi “Mẫu lưu phong bì và giấy gói cũ của Đặng Hữu T”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BK, 02 (Hai) dòng chữ mang tên Đặng Hữu T và Bùi Viết M, 04 (bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M5, mặt trước phong bì ghi “Mẫu lưu phong bì và giấy gói cũ của Phạm Thế L”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BK, 02 (Hai) dòng chữ mang tên Phạm Thế L và Bùi Viết M, 04 (Bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) xi lanh nhựa và 01 (một) lọ nước cất đều chưa qua sử dụng: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASTEL Fami3 vỏ màu đen bạc, điện thoại hỏng màn hình, không xác định được số IMEL, bên trong điện thoại có lắp sim VIETTEL có số thuê bao 01696674196: Quá trình điều tra xác minh được chiếc điện thoại này là của bà Trần Thị V (mẹ đẻ của bị cáo T). Bà V cho T mượn chiếc điện thoại này để sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà V đều khẳng định chiếc điện thoại này đã cũ hỏng, không còn giá trị gì nên bà không xin lại, đề nghị tịch thu tiêu hủy, trên cơ sở ý kiến của bà V, xét thấy chiếc điện thoại này không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đen trắng BKS 84FB – 2490, xe cũ đã qua sử dụng, đã đứt dây côn, gương bên trái bị vỡ, xi nhan trái bị vỡ, xe xẹt hết hơi hai bánh sau, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong, 01 chìa khóa xe mô tô: Quá trình điều tra xác minh làm rõ được chiếc xe mô tô này thuộc sở hữu của anh Tuấn Nguyên S (anh rể của Đặng Hữu T). S không biết T sử dụng chiếc xe này liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên cần trả lại chiếc xe và chìa khóa xe cho Tuấn Nguyên S là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Truy thu đối với bị cáo T số tiền thu lời bất chính 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng) do bán ma túy mà có để sung quỹ nhà nước.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo T khai mua với người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại khu vực ngã tư thuộc tổ 1A, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo không có tài sản, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo T.

Bị cáo T phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo: Đặng Hữu T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS.

Xử phạt: Đặng Hữu T: 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 11/12/2018.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T90, mặt trước phong bì ghi “Mẫu hoàn trả vụ Đặng Hữu T (1986)”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn, 03 (ba) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M3, mặt trước phong bì ghi “Mẫu lưu phong bì và giấy gói cũ của Đặng Hữu T”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BK, 02 (Hai) dòng chữ mang tên Đặng Hữu T và Bùi Viết M, 04 (bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M5, mặt trước phong bì ghi “Mẫu lưu phong bì và giấy gói cũ của Phạm Thế L”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BK, 02 (Hai) dòng chữ mang tên Phạm Thế L và Bùi Viết M, 04 (Bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) xi lanh nhựa và 01 (một) lọ nước cất đều chưa qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASTEL Fami3 vỏ màu đen bạc, điện thoại hồng màn hình, không xác định được số IMEL, bên trong điện thoại có lắp sim VIETTEL có số thuê bao 01696674196.

- Trả lại cho anh Tuấn Nguyễn S: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đen trắng BKS 84FB – 2490, xe cũ đã qua sử dụng, đã đứt dây côn, gương bên trái bị vỡ, xi nhan trái bị vỡ, xe xịt hết hơi hai bánh sau, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong và 01 chìa khóa xe mô tô.

- Truy thu đối với Đặng Hữu T số tiền thu lời bất chính 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và những người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 1
- NCQLLQ: 2
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang